

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày 11 - 01 - 2018

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Hữu Dân;

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11- 01- 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân TP. B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2017/QĐXXST-DS ngày 08/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; Địa chỉ: Phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Lê Vũ N- Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách tín dụng- Ngân hàng A- Chi nhánh L- Đắk Lắk. (Theo văn bản ủy quyền số 10/2017- GUQ ngày 21 tháng 7 năm 2017);

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1931.

3.2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972.

3.3. Chị Nguyễn Thị Đăng C, sinh năm 1993.

3.4. Chị Nguyễn Thị Đăng T, sinh năm 2002.

Hiện cùng trú tại địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Vũ N trình bày:*

Ngày 02/7/2015 ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng A - Chi nhánh K- tỉnh Đắk Lắk (nay là Ngân hàng A- Chi nhánh L- Đắk Lắk) Hợp đồng tín dụng số: LAV201500282 để vay số tiền là: 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng). Mục đích vay: mua xe chạy bắc nam; Thời hạn vay: 28 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm; Lãi suất quá hạn là 150% so với lãi suất vay; phương thức trả nợ: trả từng lần trả làm 03 kỳ. Ngày 01/11/2015 trả 1.000.000đồng; Ngày 01/11/2016 trả 50.000.000đồng và ngày 01/11/2017 trả 349.000.000đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 28/4/2011 ông Nguyễn Đăng T có ký Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LPC20110038 để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0347027 do UBND Tp. B cấp ngày 06/9/1995 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị K, thuộc thửa đất số 182, tờ bản đồ 05, diện tích 185m²; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng T tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố B ngày 14/6/2010.

Trong quá trình vay vốn cho đến nay, ông T đã trả cho Ngân hàng được 21.000.000đồng tiền gốc và 91.546.584đồng tiền lãi. Hiện nay ông Nguyễn Đăng T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 392.113.774đồng; Trong đó, tiền gốc là 379.000.000đồng; tiền lãi là 13.113.774đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/11/2017). Hiện khoản tiền trên đã quá hạn từ ngày 02/11/2016.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đăng T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 392.113.774đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

** Đối với bị đơn là ông Nguyễn Đăng T: Tòa án đã tổng đạt giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Đăng T không đến Tòa án làm việc và cố tình lẩn tránh. Qua xác minh tại địa phương nơi ông T đang cư trú được biết ông T vẫn cư trú và sinh sống tại đại phương. Mặc dù, ông T đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần nhưng ông T cố tình lẩn tránh không đến Tòa để tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông T.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2017, bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn T, hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà K chuyển nhượng cho ông T thửa đất*

số 182, tờ bản đồ 05, diện tích 185m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0347027 do UBND Tp. B cấp ngày 06/9/1995 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị K. Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng T tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Tp. B ngày 14/6/2010. Sau đó, ông T có ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất trên để vay vốn của Ngân hàng A số tiền là 400.000.000đồng là đúng và bà K không có ý kiến gì.

Nay khoản vay đã quá hạn, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho Ngân hàng tổng cộng là 392.113.774đồng; Trong đó, tiền gốc là 379.000.000đồng; tiền lãi là 13.113.774đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/11/2017) thì bà K có ý kiến: Bà K đề nghị Ngân hàng gia hạn thời gian trả nợ để ông T thu xếp trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Trong trường hợp, ông T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế thu hồi nợ, thì bà K không có ý kiến gì.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2017, bà Nguyễn Thị P trình bày:* Bà Nguyễn Thị P là vợ của ông Nguyễn Đăng T đang cư trú và sinh sống tại thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T và bà P chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà P và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Đăng C, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Đăng T, sinh năm 2002. Việc ông T thế chấp tài sản là thửa đất số 182, tờ bản đồ 05, diện tích 185m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0347027 do UBND Tp. B cấp ngày 06/9/1995 để vay tiền của Ngân hàng, thì bà P không có ý kiến gì. Bà P đề nghị Ngân hàng xem xét gia hạn thời gian để ông T thu xếp trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/11/2017, chị Nguyễn Thị Đăng C trình bày:* Chị Nguyễn Thị Đăng C là con đẻ của ông Nguyễn Đăng T và bà Nguyễn Thị P. Chị C từ nhỏ sống cùng với ông T, bà P tại thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Cho đến năm 2006 chị C lấy chồng và chuyển về thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cư trú và sinh sống. Năm 2017, sau khi sinh con thì chị C về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ở cho đến nay.

Chị C không có ý kiến gì về việc ông T thế chấp thửa đất số 182, tờ bản đồ 05, diện tích 185m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0347027 do UBND Tp. B cấp ngày 06/9/1995 để vay tiền của Ngân hàng. Do kinh tế gia đình khó khăn nên chị C đề nghị Ngân hàng gia hạn thời gian để ông T trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/11/2017 chị Nguyễn Thị Đăng T trình bày:* Chị Nguyễn Thị Đăng T là con đẻ của ông Nguyễn Đăng T và bà Nguyễn Thị P, hiện đang cư trú và sinh sống tại số thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ nhỏ cho đến nay chị T sống cùng với ông T, bà P và đi học tại thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Việc ông T thế chấp thửa đất số 182, tờ bản đồ 05, diện tích 185m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0347027 do UBND Tp. B cấp ngày 06/9/1995 để vay tiền của Ngân hàng, thì chị T không có ý kiến gì.

**/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình lẩn tránh không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có căn cứ: Đề nghị HĐXX buộc bị đơn ông Nguyễn Đăng T phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 392.113.774đồng; Trong đó, tiền gốc là 379.000.000đồng; tiền lãi là 13.113.774đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/11/2017 và tiền lãi phát sinh, theo thỏa thuận trong hợp đồng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 21/11/2017 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng số LAV201500282 ngày 02/7/2015 ký kết giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Đăng T là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng nói trên thì Ngân hàng cho ông T vay số tiền 400.000.000đồng, thời hạn vay 28 tháng. Ông T đã trả được cho ngân hàng được 91.546.584đồng tiền lãi và 21.000.000đồng tiền gốc. Hiện ông T còn nợ cho Ngân hàng tổng cộng là 392.113.774đồng; Trong đó, tiền gốc là 379.000.000đồng; tiền lãi là 13.113.774đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 20/11/2017). Hiện khoản tiền trên đã quá hạn từ ngày 02/11/2016.

Do ông T đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng là có căn cứ cần chấp nhận và cần buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 392.113.774đồng; Trong đó, tiền gốc là 379.000.000đồng; tiền lãi là 13.113.774đồng, (tiền lãi tạm tính đến ngày 20/11/2017). Kể từ ngày 21/11/2017, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LPC20110038 ngày 28/4/2011 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng bên thế chấp là ông Nguyễn Đăng

T, các bên đã cùng nhau thỏa thuận ký kết thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0347027 do UBND Tp. B cấp ngày 06/9/1995 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị K, thuộc thửa đất số 182, tờ bản đồ 05, diện tích 185m²; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng T tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố B ngày 14/6/2010, là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B (*Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B*) theo quy định tại khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 68 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm. Nên tài sản thế chấp trong Hợp đồng này cần phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ của bên vay là ông Nguyễn Đăng T.

[4]. Sau khi ông T trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0347027 do UBND Tp. B cấp ngày 06/9/1995.

[5]. Trong trường hợp ông T không trả được số nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 392.113.774đồng x 5% = 19.605.000đồng.

Ngân hàng A được nhận lại 11.804.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 717, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Đăng T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền là 392.113.774đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu, một trăm mười ba nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng*); (Trong đó, tiền gốc là 379.000.000đồng; tiền lãi là 13.113.774đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/11/2017). Kể từ ngày 21/11/2017 ông Nguyễn Đăng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Sau khi ông Nguyễn Đăng T trả xong nợ gốc và lãi thì Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Đăng T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: D 0347027 do UBND thành phố B cấp ngày 06/9/1995.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Đăng T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là giá trị Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: D 0347027 do UBND thành phố B cấp ngày 06/9/1995 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị K. Đã đăng ký kê khai biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng T tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố B ngày 14/6/2010. Thuộc thửa đất số 182, tờ bản đồ 05, diện tích 185m²; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về án phí:

4.1. Ông Nguyễn Đăng T phải chịu 19.605.000đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm lẻ lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ngân hàng A được nhận lại 11.804.000đồng (*Mười một triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số AA/2016/0001097, ngày 15/8/2017.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- P.Kiểm tra- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- CC THADS TP.B;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn